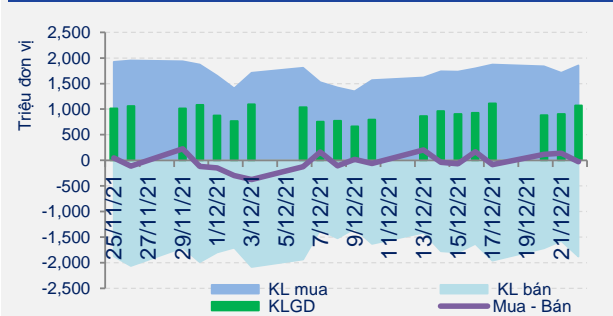
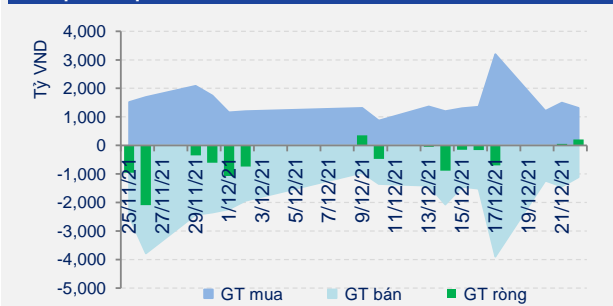


MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 22/12/2021

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,477.67	453.10
% Thay đổi	↓ -0.07%	↓ -0.42%
KLGD (CP)	1,069,585,233	151,379,930
GTGD (tỷ đồng)	33,645.18	4,479.02
Tổng cung (CP)	1,879,459,400	198,738,700
Tổng cầu (CP)	1,854,872,900	179,327,800

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	30,266,647	5,439,871
KL mua (CP)	29,622,000	326,448
GT mua (tỷ đồng)	1,313.02	13.71
GT bán (tỷ đồng)	1,108.48	345.76
GT ròng (tỷ đồng)	204.54	(332.05)

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE


Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.52%	24.0	3.8	1.1%
Công nghiệp	↓ -0.38%	24.1	3.1	15.2%
Dầu khí	↓ -0.75%	18.5	1.9	0.9%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.35%	-	10.3	3.0%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.85%	17.9	2.9	0.6%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.73%	23.5	4.2	14.4%
Ngân hàng	↓ -0.92%	11.6	2.3	11.5%
Nguyên vật liệu	↑ 0.00%	11.3	2.7	13.4%
Tài chính	↑ 0.31%	22.0	3.7	37.2%
Tiền ịch Cộng đồng	↑ 1.30%	16.7	2.6	2.7%
VN - Index	↓ -0.07%	17.5	3.3	
HNX - Index	↓ -0.42%	25.2	5.0	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường giảm nhẹ trong phiên hôm nay với thanh khoản gia tăng. Cụ thể, VN-Index giảm 1,07 điểm (-0,07%) xuống 1.477,67 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE là trung tính với 252 mã tăng, 46 mã tham chiếu, 254 mã giảm. HNX-Index giảm 1,91 điểm (-0,42%) xuống 453,1 điểm. Độ rộng trên sàn HNX là trung tính với 138 mã tăng, 41 mã tham chiếu, 132 mã giảm. Thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn gia tăng so với phiên trước đó và cao hơn mức trung bình 20 phiên với khối lượng khớp lệnh 1.175 triệu cổ phiếu tương ứng với giá trị khớp lệnh 35.908 tỷ đồng. Thị trường giao dịch với sắc xanh trong phần lớn thời gian nhưng áp lực bán gia tăng trong phiên chiều đã khiến các chỉ số kết phiên với mức giảm nhẹ. Cổ phiếu thép và ngân hàng là nguyên nhân chính khiến thị trường kết phiên trong sắc đỏ. Trong nhóm nhóm, các cổ phiếu như HPG (-2,2%), HSG (-1,4%), NKG (-2,6%), TLH (-2,2%)... đều giảm tương đối mạnh. Cổ phiếu ngân hàng cũng không khá hơn khi gần như tất cả các mã đều kết phiên trong sắc đỏ như VPB (-1,6%), TCB (-0,7%), STB (-2%), SHB (-3,3%), CTG (-1,1%), HDB (-5,1%), MBB (-1,1%), TPB (-2,1%), LPB (-1,6%), VIB (-1,4%), OCB (-2,3%), BID (-1,1%), ACB (-0,3%)... Ở chiều ngược lại, nhóm cổ phiếu bất động sản và xây dựng tiếp tục tăng giá mạnh, với nhiều mã tăng trần như TCH (+6,8%), LDG (+6,7%), ASM (+6,8%), ITC (+6,9%), HAR (+6,7%), NBB (+6,9%), PVL (+9,6%), CCL (+6,9%), VPH (+6,6%), TDH (+6,8%), ROS (+6,6%), FCN (+7%), LIG (+9,8%), HID (+6,8%), TDC (+7%), SDD (+13,9%), BCE (+6,9%), PHC (+6,7%)...

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường chứng khoán Mỹ hồi phục mạnh trong phiên đêm qua với việc cả ba chỉ số chính đều tăng trên dưới 2%. Nhưng điều này dường như chỉ có thể hỗ trợ tâm lý nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong phiên sáng. Áp lực bán gia tăng trong phiên khiến thị trường giảm nhẹ Chỉ số VN-Index (-0,07%) có phiên thứ 8 liên tiếp giằng co với biên độ trong khoảng 1.470-1.490 điểm. Và đây cũng là phiên thứ 7 liên tiếp mà vùng hỗ trợ ngắn hạn quanh MA20 thúc đẩy lực cầu bắt đáy cho thị trường. Với diễn biến này kỳ vọng để VN-Index để hướng đến ngưỡng kháng cự tâm lý 1.500 điểm vẫn có thể xảy ra và trong phiên giao dịch tiếp theo 23/12, VN-Index có thể sẽ cố gắng hồi phục trở lại để thoát khỏi vùng giằng co và đi ngang trong khoảng 1.470-1.490 điểm. Nhà đầu tư nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu ở mức vừa phải đã nâng tỷ trọng lên mức cao khi tham gia bắt đáy trong phiên 6/12 có thể canh những nhịp tăng điểm trong các phiên tiếp theo hướng tới kháng cự tâm lý 1.500 điểm để chốt lời một phần danh mục.

MARKET LENS

 Phiên giao dịch ngày: **22/12/2021**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index giao dịch với sắc xanh trong phần lớn thời gian phiên hôm nay, với mức cao nhất trong phiên tại 1.489,24 điểm. Nhưng về chiều, áp lực bán gia tăng khiến chỉ số đảo chiều xuống sắc đỏ, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.471,84 điểm. Kết phiên, VN-Index giảm 1,07 điểm (-0,07%) xuống 1.477,67 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: HPG giảm 1.000 đồng, HDB giảm 1.500 đồng, VPB giảm 550 đồng. Ở chiều ngược lại, VIC tăng 1.500 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index cũng tăng điểm trong phần lớn thời gian phiên hôm nay, với mức cao nhất trong phiên tại 457,62 điểm. Nhưng về chiều, áp lực bán gia tăng khiến chỉ số đảo chiều xuống sắc đỏ, với mức thấp nhất trong phiên tại 451,6 điểm. Kết phiên, HNX-Index giảm 1,91 điểm (-0,42%) xuống 453,1 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: SHS giảm 1.600 đồng, IDJ giảm 4.700 đồng, IDC giảm 4.000 đồng. Ở chiều ngược lại, CEO tăng 4.200 đồng.

GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 210,43 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 1,8 triệu cổ phiếu. VIC là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 166,5 tỷ đồng tương ứng với 1,7 triệu cổ phiếu, tiếp theo là CTG với 94,9 tỷ đồng tương ứng với 3 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, NLG là mã bị bán ròng nhiều nhất với 45,5 tỷ đồng tương ứng với 698 nghìn cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 332,24 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 5,1 triệu cổ phiếu. CEO là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 328,7 tỷ đồng tương ứng với 5 triệu cổ phiếu, tiếp theo là SHS với 5,4 tỷ đồng tương ứng với 107 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VCS là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 5,7 tỷ đồng tương ứng với 49 nghìn cổ phiếu.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index giảm nhẹ trong phiên hôm nay với thanh khoản khớp lệnh gia tăng so với phiên trước đó và cao hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy áp lực bán ra là tương đối mạnh, rất may là cầu bắt đáy quanh ngưỡng 1.470 điểm (MA20) là khá tốt đã giúp thu hẹp mức giảm.

Theo lý thuyết sóng Elliot áp dụng trên biểu đồ tuần thì có thể thấy là VN-Index vẫn đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4). Và một khi vẫn được duy trì trên ngưỡng 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% fibonacci retracement sóng điều chỉnh 4) thì nhận định trên không có gì thay đổi.

Với phiên giảm nhẹ này thì chỉ số VN-Index tiếp tục kết phiên trên ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn quanh 1.470 điểm (MA20). Điều này khiến cho xu hướng tăng của thị trường không có gì thay đổi và khả năng để thị trường tiếp tục đi lên để hướng đến kháng cự tâm lý 1.500 điểm trong thời gian tới là có thể xảy ra.

Trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán quay trở lại thì VN-Index có thể sẽ cần test lại ngưỡng hỗ trợ quanh 1.470 điểm (MA20) và xa hơn là ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.450 điểm.

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 23/12, VN-Index có thể sẽ cố gắng hồi phục trở lại để thoát khỏi vùng giằng co và đi ngang trong khoảng 1.470-1.490 điểm.



TIN TRONG NƯỚC

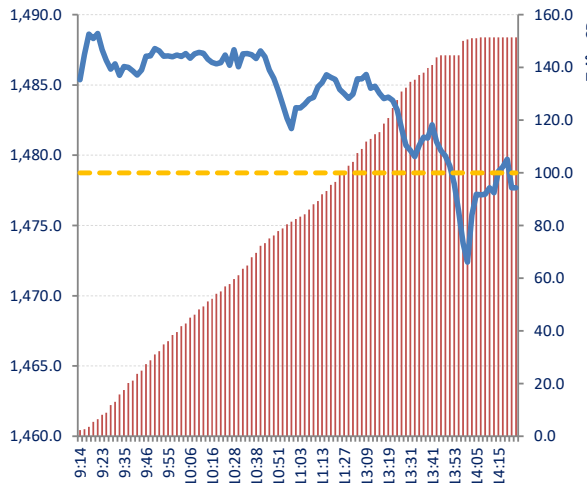
Giá vàng trong nước tăng	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 60,8 - 61,5 triệu đồng/lượng, tăng 50.000 đồng/lượng ở cả hai chiều mua vào và bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm giảm 7 đồng	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 22/12 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.183 VND/USD, giảm 7 đồng so với hôm qua.

TIN QUỐC TẾ

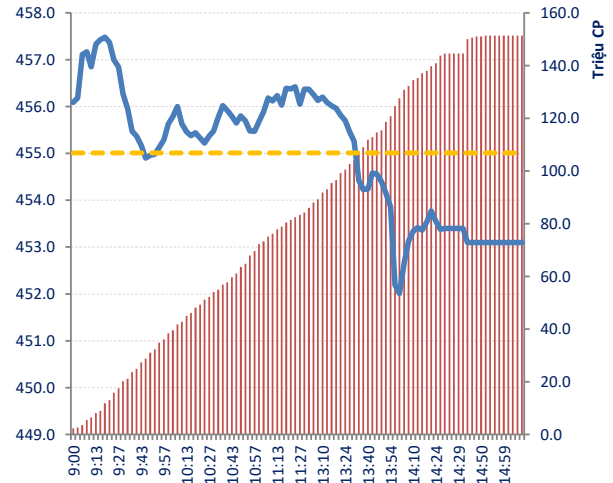
Giá vàng thế giới giảm	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới giảm 0,6 USD/ounce tương ứng với 0,04% xuống 1.788,15 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD giảm	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) giảm 0,019 điểm tương ứng 0,02% xuống 96,48 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,1280 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3284 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 114,31 JPY.
Giá dầu thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 0,48 USD/thùng tương ứng với 0,67% lên 71,61 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ tăng điểm	Kết thúc phiên giao dịch ngày 21/12, Dow Jones tăng 560,54 điểm tương đương 1,6% lên 35.492,7 điểm. Nasdaq tăng 360,14 điểm tương đương 2,4% lên 15.341,09 điểm. Nasdaq Composite tăng 81,21 điểm tương đương 1,78% lên 4.649,23 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

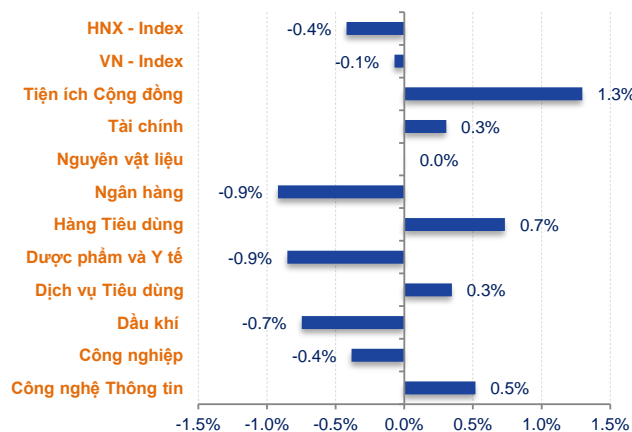
KLGD và VN-Index trong phiên



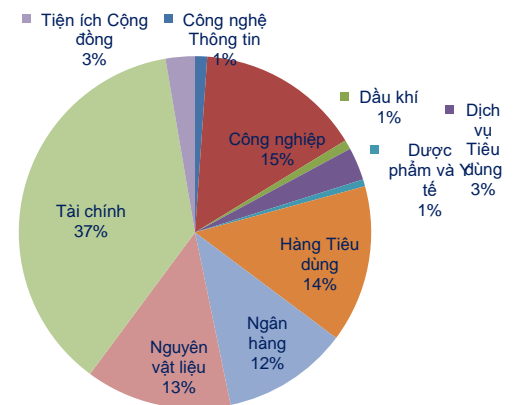
KLGD và HNX-Index trong phiên



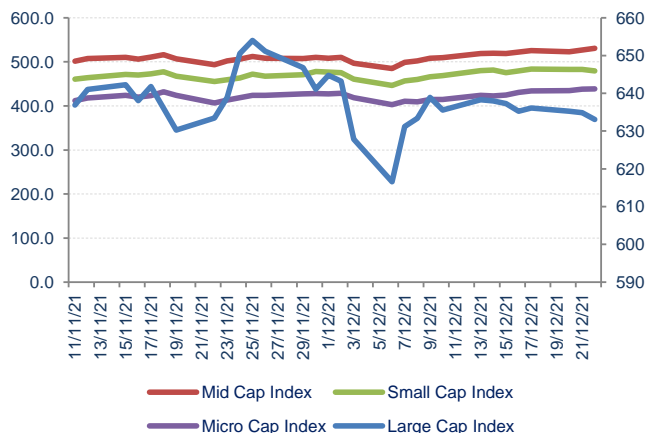
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



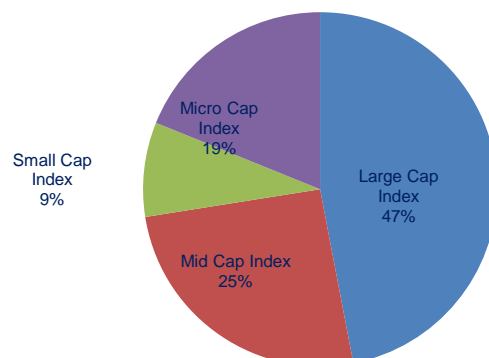
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	CTG	2,969,253	HHS	1,642,300
2	VIC	1,673,400	NT2	1,426,300
3	VHM	891,300	NLG	698,100
4	VRE	794,800	HNG	551,800
5	KBC	756,900	SSI	413,200

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VCS	49,200	CEO	4,989,189
2	OCH	27,600	SHS	106,600
3	ITQ	22,500	SMN	71,860
4	ART	16,268	API	54,352
5	PV2	15,200	TIG	22,900

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ROS	12.05	12.85	↑ 6.64%	36,730,000
HQC	8.60	9.10	↑ 5.81%	29,423,800
POW	18.70	19.00	↑ 1.60%	28,400,300
HAG	13.60	14.50	↑ 6.62%	27,611,500
HPG	46.10	45.10	↓ -2.17%	27,593,800

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
CEO	61.60	65.80	↑ 6.82%	11,348,001
KLF	8.40	8.50	↑ 1.19%	11,161,256
SHS	50.90	49.30	↓ -3.14%	6,744,846
ART	15.10	15.20	↑ 0.66%	5,996,630
LIG	18.30	20.10	↑ 9.84%	5,641,345

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TEG	14.30	15.30	1.00	↑ 6.99%
SGT	34.30	36.70	2.40	↑ 7.00%
FCN	26.50	28.35	1.85	↑ 6.98%
TDC	27.95	29.90	1.95	↑ 6.98%
LCM	7.89	8.44	0.55	↑ 6.97%

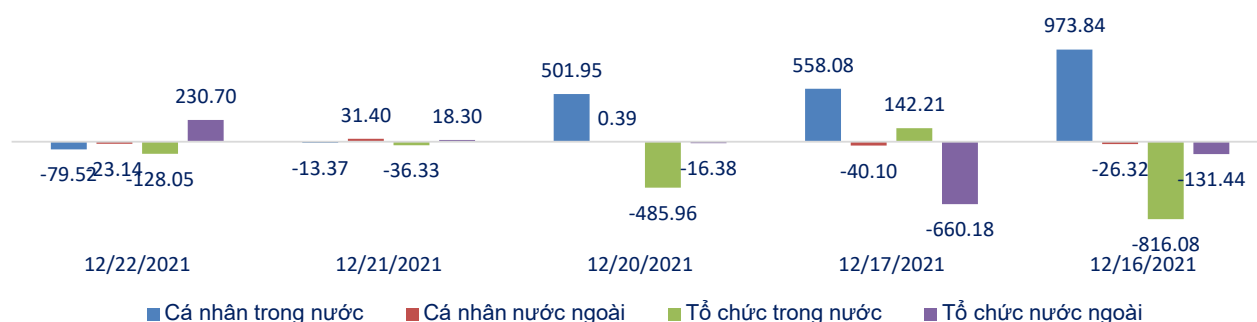
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
KVC	8.00	8.80	0.80	↑ 10.00%
VMS	15.00	16.50	1.50	↑ 10.00%
SGH	38.00	41.80	3.80	↑ 10.00%
VC7	26.10	28.70	2.60	↑ 9.96%
NBP	19.20	21.10	1.90	↑ 9.90%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
FDC	16.10	15.00	-1.10	↓ -6.83%
LEC	14.85	13.85	-1.00	↓ -6.73%
SJF	12.00	11.20	-0.80	↓ -6.67%
CIG	15.10	14.10	-1.00	↓ -6.62%
TNC	37.00	34.60	-2.40	↓ -6.49%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PTD	19.00	17.10	-1.90	↓ -10.00%
API	76.50	68.90	-7.60	↓ -9.93%
IDJ	47.40	42.70	-4.70	↓ -9.92%
BDB	12.80	11.60	-1.20	↓ -9.38%
QHD	49.50	44.90	-4.60	↓ -9.29%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
APH	196.36	1.6%	442	81.7	1.1
CII	102.21	0.5%	177	232.9	1.3
SSI	95.76	16.5%	2,038	25.8	3.8
MSN	81.60	8.4%	2,032	82.0	6.1
NLG	59.46	13.6%	4,156	15.7	1.9

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	-179.80	2.9%	1,111	88.3	2.3
VPB	-95.69	21.2%	2,772	12.3	2.4
CTG	-85.39	18.1%	3,439	9.3	1.6
DGC	-65.17	29.1%	7,717	20.9	5.4
KBC	-60.02	6.0%	1,523	38.3	2.2

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CRE	8.74	19.7%	3,716	10.8	1.7
IJC	6.62	23.5%	3,643	8.7	2.1
HPG	5.10	44.7%	7,085	6.5	2.4
VND	4.54	19.6%	2,217	38.2	4.3
CII	4.43	0.5%	177	232.9	1.3

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HHS	-20.06	4.7%	715	18.1	0.9
FUEVFVND	-10.76	N/A	N/A	N/A	N/A
HNG	-6.14	0.7%	51	217.8	1.5
SSI	-6.10	16.5%	2,038	25.8	3.8
VCI	-4.02	24.5%	3,456	21.8	4.0

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	95.86	21.2%	2,772	12.3	2.4
GEX	55.02	8.6%	1,754	22.0	1.7
FPT	51.54	20.4%	4,436	21.5	4.3
MWG	49.09	24.6%	6,071	21.9	5.0
KOS	47.55	2.0%	210	151.5	3.0

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
APH	-191.29	1.6%	442	81.7	1.1
CII	-87.63	0.5%	177	232.9	1.3
SSI	-74.42	16.5%	2,038	25.8	3.8
VHM	-72.89	38.3%	8,968	9.6	3.1
ACB	-39.68	24.9%	3,599	9.1	2.1

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	166.17	2.9%	1,111	88.3	2.3
CTG	95.37	18.1%	3,439	9.3	1.6
VHM	77.12	38.3%	8,968	9.6	3.1
DGC	67.17	29.1%	7,717	20.9	5.4
KBC	41.53	6.0%	1,523	38.3	2.2

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
NLG	-44.89	13.6%	4,156	15.7	1.9
MSN	-43.02	8.4%	2,032	82.0	6.1
NT2	-39.17	14.8%	2,139	12.5	1.9
VCB	-25.18	20.4%	5,696	17.4	3.3
CII	-19.01	0.5%	177	232.9	1.3



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ROS	36,730,000	3.1%	324	37.1	1.1
HQC	29,423,800	3250.0%	9	972.9	0.9
POW	28,400,300	8.6%	1,167	16.0	1.3
HAG	27,611,500	-18.4%	(1,220)	-	2.5
HPG	27,593,800	44.7%	7,085	6.5	2.4

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
CEO	11,348,001	-4.7%	(606)	-	4.9
KLF	11,161,256	0.1%	6	1,382.3	0.8
SHS	6,744,846	25.5%	3,121	16.3	2.6
ART	5,996,630	0.3%	32	477.7	1.3
LIG	5,641,345	1.6%	221	82.7	1.4

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TEG	↑ 7.0%	4.0%	447	32.0	1.2
SGT	↑ 7.0%	2.7%	356	96.4	2.6
FCN	↑ 7.0%	4.6%	914	29.0	1.4
TDC	↑ 7.0%	11.8%	1,497	18.7	2.3
LCM	↑ 7.0%	1.3%	122	64.5	0.9

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
KVC	↑ 10.0%	-7.3%	(748)	-	0.8
VMS	↑ 10.0%	4.6%	802	18.7	0.9
SGH	↑ 10.0%	1.4%	192	197.6	2.8
VC7	↑ 10.0%	3.3%	305	85.7	2.5
NBP	↑ 9.9%	12.3%	2,556	7.5	0.9

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	2,969,253	18.1%	3,439	9.3	1.6
VIC	1,673,400	2.9%	1,111	88.3	2.3
VHM	891,300	38.3%	8,968	9.6	3.1
VRE	794,800	7.2%	954	32.9	2.3
KBC	756,900	6.0%	1,523	38.3	2.2

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VCS	49,200	41.5%	11,163	10.4	3.9
OCH	27,600	-0.9%	(77)	-	1.2
ITQ	22,500	3.3%	368	27.7	0.9
ART	16,268	0.3%	32	477.7	1.3
PV2	15,200	0.4%	23	394.5	1.4

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	374,476	38.3%	8,968	9.6	3.1
VIC	373,292	2.9%	1,111	88.3	2.3
VCB	366,808	20.4%	5,696	17.4	3.3
HPG	206,202	44.7%	7,085	6.5	2.4
MSN	196,677	8.4%	2,032	82.0	6.1

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	85,925	25.2%	4,694	52.3	14.9
IDC	24,300	11.8%	1,805	44.9	5.2
KSF	21,030	8.8%	757	92.6	3.5
VCS	18,640	41.5%	11,163	10.4	3.9
BAB	16,569	8.6%	979	22.5	1.9

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
SJF	3.63	0.5%	51	234.7	1.1
DRH	3.31	2.1%	292	80.6	1.7
BSI	2.95	8.9%	1,047	40.5	3.1
DIG	2.82	13.1%	1,507	61.7	7.1
NBB	2.81	28.3%	6,238	7.6	2.5

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
SDA	5.02	3.3%	243	138.9	4.6
PVL	4.21	9.9%	475	33.1	3.1
L14	4.14	13.6%	1,987	136.4	16.4
PDB	4.01	4.8%	750	32.0	1.5
V21	3.84	1.5%	141	97.3	1.5



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trường phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
